BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM

Lớp : Tài chính - Ngân hàng 2 - K13

Môn thi: **Anh văn cơ bản 1** Lần thi: **2** Giám thị 1: Nguyễn Minh Tú Ký tên:

Học kỳ: **1** Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: 11/12/12 Giám thị 2: V. Pho Ký tên:

Cán bộ giảng dạy: Phòng thi: A.1.11 Giám thị 3: Ký tên:

Tổng số bài: 25 Số tờ: 50 Giám thị 4: Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110140103	Nguyễn Trần Phúc	Liêm	06/11/1992	Liêm			6,0	Sáu chẵn
2	1110140124	Nguyễn Thị Kiều	Loan	20/03/1993	Loan			3,5	Ba rưỡi
3	1110140126	Lê	Long	21/05/1992	Long			4,5	Bốn rưỡi
4	1110140132	Huỳnh Nhựt	Minh	06/01/1993					V
5	1110140134	Vũ Đức	Minh	05/09/1993					V
6	1110140137	Trần Thi	Nam	16/06/1993	Nam			3,5	Ba rưỡi
7	1110140143	Đoàn Ngọc Kim	Ngân	15/03/1993					V
8	1110140147	Vương Thị Bé	Ngân	20/09/1993					V
9	1110140149	Đinh Thị	Ngát	24/06/1992	Ngát			5,5	Năm rưỡi
10	1110140154	Đặng Thị	Ngọc	05/06/1993	Ngọc			4,0	Bốn chẵn
11	1110140155	Lê Thị Bích	Ngọc	28/02/1993				3,5	Ba rưỡi
12	1110140156	Nguyễn Võ Kim	Ngọc	21/01/1993				3,5	Ba rưỡi
13	1110140158	Phạm Thị Kim	Ngọc	02/02/1993					V
14	1110140164	Vũ Thị	Nhàn	27/02/1992				5,0	Năm chẵn
15	1110140167	Võ Thị Lệ	Nhi	05/08/1993				4,5	Bốn rưỡi
16	1110140168	Huỳnh Ngọc Lan	Nhi	04/11/1993					V
17	1110140171	Nguyễn Ngọc Tố	Như	17/06/1993					V
18	1110140173	Lê Thị Quỳnh	Như	20/03/1993	Như			4,5	Bốn rưỡi
19	1110140176	Lê Thị Cẩm	Nhung	11/10/1993				6,0	Sáu chẵn
20	1110140178	Đồng Thanh	Ni	21/12/1993				4,0	Bốn chẵn
21	1110140180	Phạm Thị	Nụ	30/01/1993	Nụ			6,0	Sáu chẵn
22	1110140181	Nguyễn Thị	Oanh	22/02/1993	Oanh			4,0	Bốn chẵn
23	1110140184	Lại Thị Hồng	Phấn	15/09/1992	Phấn			3,5	Ba rưỡi
24	1110140191	Lê Nhật	Phi	10/04/1993				6,0	Sáu chẵn
25	1110140193	Phạm Ngọc	Phong	01/05/1993	Phong			7,5	Bảy rưỡi

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Ghi chú
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1110140195	Nguyễn Hoàng	Phương	04/10/1993				4,5	
27	1110140196	Lê Mỹ	Phương	19/04/1993					✓
28	1110140199	Ngô Thị	Phương	23/04/1993	Phương			2,5	Hai rưỡi
29	1110140219	Nguyễn Hoàng	Tấn	16/10/1993	Tấn		5,0	5,0	năm chẵn
30	1110140220	Nguyễn Nhựt	Tân	27/10/1993				6,5	Sáu rưỡi
31	1110140222	Vũ Nhật	Tân	19/08/1991				~~6~~ 5,0	Năm chẵn ~~Sáu rưỡi~~
32	1110140226	Trương Văn	Tài	07/04/1992				3,5	Ba rưỡi ~~Năm chẵn~~
33	1110140227	Vũ Đình	Tài	27/08/1993	TÀI			3,5	Ba rưỡi

Ngày 24 *. tháng* . 3 . . *năm* 2012